TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 - 2025
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Hòe

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 239/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Hồng T, sinh ngày 10/02/1988; Số CCCD: 044188004764; Nơi thường trú: Tổ B, khu phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hoài N, sinh ngày 05/4/1981; Số CCCD: 024081021019; Nơi thường trú trước khi xuất cảnh: Xóm C, tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Hiện có địa chỉ tại: Liget T. Xker 1102 B, K. Sandor út 2 Hunggary. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, Bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Hoài N yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, chị T và anh N sống chung tại nhà nội ở tổ dân phố Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2019 thì anh N đi xuất khẩu lao động ở Hungary. Do khoảng cách vị trí địa lý xa xôi, giữa vợ chồng bắt đầu nảy sinh các mâu thuẫn do tính cách không thể hòa hợp với nhau. Hai bên thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị

đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh N để sớm tập trung vào làm ăn, ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 19/10/2013 và Nguyễn Ngọc Hà N1, sinh ngày 06/4/2016. Hiện nay các con đang ở với chị. Do anh N đang làm việc ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con nên sau ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoài N:* Theo thông tin mà chị Phạm Thị Hồng T cung cấp trong đơn ly hôn thì hiện tại anh N có địa chỉ cư trú tại Liget T. Xker 1102 B, K. Sandor út 2 Hunggary. Tòa án đã yêu cầu Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của bị đơn anh Nguyễn Hoài N. Tại Công văn số 3970/CV-QLXNC ngày 30/12/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thông tin anh Nguyễn Hoài N đã xuất cảnh ngày 04/10/2020 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N để anh N thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được thông báo về việc chị T xin ly hôn (do bố anh là ông Nguyễn Tiến D gửi đến), ngày 13/4/2025 anh Nguyễn Hoài N đã gửi bản tự khai, đơn xin giải quyết sớm vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt của anh từ địa chỉ mail: nguyenhoainam5481@gmail.comđịa chỉ hộp thư điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình: quangbinh@toaan.gov.vnTại bản tự khai, đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoài N trình bày: Anh đã được chị T và gia đình thông báo về việc khởi kiện xin ly hôn của chị T, tuy nhiên do điều kiện anh đang làm việc ở nước ngoài nên không thể về để tham gia giải quyết, xét xử vụ án được, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Anh N thừa nhận quá trình anh và chị T yêu nhau đi đến xây dựng hạnh phúc gia đình; thời gian đăng ký kết hôn; quá trình chung sống; nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng; về con chung, về tài sản chung và địa chỉ cư trú hiện tại đều đúng như ý kiến trình bày của chị Phạm Thị Hồng T. Anh N cũng thừa nhận hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Về con chung, do anh đang làm việc ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi con nên sau ly hôn, anh đồng ý giao cả hai đứa con cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng thì anh cũng nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng do vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của ông Nguyễn Tiến D* (bố đẻ của bị đơn anh Nguyễn Hoài N): Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2025, ông D cho biết: Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu kèm theo của Tòa án thì ông D đã gửi toàn bộ các văn bản này cho anh N biết để anh N gửi ý kiến về cho Tòa án (anh N đã gửi bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt qua hộp thư điện tử của Tòa án). Các nội dung khác như: về thời gian xuất cảnh của anh N; về quá trình kết hôn giữa chị T với anh N; về thời gian sống chung trong gia đình, về con chung giữa anh

N với chị T đều đúng như ý kiến trình bày của chị T. Ông D không biết rõ nguyên nhân xẩy ra mâu thuẩn vợ chồng giữa hai con, ông chỉ biết sau một thời gian kể từ khi anh N đi nước ngoài lao động thì lúc đầu giữa hai vợ chồng còn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng mấy năm gần đây hai bên ít liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau. Khi biết chị T và anh N có ý định ly hôn, ông đã nhiều lần tác động mong muốn vợ chồng hai con suy nghĩ lại vì hạnh phúc gia đình hàn gắn mối quan hệ và để cùng nhau nuôi dạy các con, tuy nhiên giữa hai vợ chồng vẫn nhất quyết ly hôn nên ông cũng đành chấp nhận thuận theo ý các con. Hiện tại anh N đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp chăm sóc cho các con nên ông cũng đồng ý giao các cháu cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản của vợ chồng thì ông có nghe anh N nói rằng hai bên tự thỏa thuận với nhau nên ông không có ý kiến gì.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Về quan hệ tình cảm: xử cho chị Phạm Thị Hồng T được ly hôn anh Nguyễn Hoài N; Về quan hệ con chung: xử giao hai con chung cháu Nguyễn Bảo K và Nguyễn Ngọc Hà N1 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung: chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; buộc chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hoài N đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (tại Hungary). Do đó, đây là vụ án về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Hoài N theo quy định. Ngày 13/4/2025, anh N đã gửi bản tự khai, đơn xin giải quyết sớm vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt từ địa chỉ mail của anh N: nguyenhoainam5481@gmail.comđịa chỉ hộp thư điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình: quangbinh@toaan.gov.vnTại phiên tòa vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Hoài N yêu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào 15/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Như vậy cuộc hôn nhân giữa anh N với

chị T là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2020 thì anh N đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài (Hungary). Do khoảng cách vị trí địa lý xa xôi, mỗi người một nơi nên thiếu sự quan tâm và chia sẻ với nhau, từ đó tình cảm trở nên phai nhạt và không còn quan tâm đến nhau nữa. Trước Tòa chị T khẳng định tình cảm vợ chồng đã hết nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh N; anh N cũng thừa nhận hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Xét thấy, cả chị T và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, để xử cho chị T được ly hôn với anh N.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị T, anh N có 02 đứa con chung gồm cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 19/10/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Hà N1, sinh ngày 06/4/2016; hiện tại cả 02 cháu đang ở cùng chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Anh N cũng nhất trí giao cả hai con cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại anh N đang ở nước ngoài nên điều kiện trực tiếp chăm sóc con sẽ gặp nhiều khó khăn, hơn nữa kể từ khi anh N đi nước ngoài đến nay thì cả hai cháu đều được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, tại bản tự khai cháu Nguyễn Bảo K và cháu Nguyễn Ngọc Hà N1 cùng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cả hai con cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện của anh N, chị T hiện tại và phù hợp với nguyện vọng của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra anh N không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, tuy nhiên do chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con và anh N cũng nhất trí không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, do đó Tòa án không buộc anh N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản chung:* Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Chị Phạm Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 469, 474, điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Phạm Thị Hồng T được ly hôn anh Nguyễn Hoài N.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao các cháu Nguyễn Bảo K (giới tính: Nam), sinh ngày 19/10/2013 và Nguyễn Ngọc Hà N1 (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/4/2016 cho chị Phạm Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Phạm Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số: 0005188 ngày 02/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: chị Phạm Thị Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Hoài N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã Quảng Thạch, huyện Q. Trạch;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ